BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2966 /QĐ-BTNMT	

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy tái chế phế liệu để sản xuất hạt nhựa tái sinh công suất 30.000 tấn/năm, sản phẩm nhựa công suất 30.000 tấn/năm và bột giấy công suất 40.000 tấn/năm" tại Lô A2.4, đường N1, khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy tái chế phế liệu để sản xuất hạt nhựa tái sinh công suất 30.000 tấn/năm, sản phẩm nhựa công suất 30.000 tấn/năm và bột giấy công suất 40.000 tấn/năm" tại Lô A2.4, đường N1, khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương họp ngày 06 tháng 06 năm 2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy tái chế phế liệu để sản xuất hạt nhựa tái sinh công suất 30.000 tấn/năm, sản phẩm nhựa công suất 30.000 tấn/năm và bột giấy công suất 40.000 tấn/năm" tại Lô A2.4, đường N1, khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc, xã Đất Cuốc, huyện Bắc

Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 2711/ĐP-ĐTM-HT ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Công ty cổ phần Plastic Đại Phú;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy tái chế phế liệu để sản xuất hạt nhựa tái sinh công suất 30.000 tấn/năm, sản phẩm nhựa công suất 30.000 tấn/năm và bột giấy công suất 40.000 tấn/năm" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Plastic Đại Phú (sau đây gọi là Chủ dự án hoặc Công ty) thực hiện tại Lô A2.4, đường N1, khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần Plastic Đại Phú;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Dương;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (02). Hu.12.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "NHÀ MÁY TÁI CHẾ PHẾ LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT HẠT NHỰA TÁI SINH CÔNG SUẤT 30.000 TẤN/NĂM, SẢN PHẨM NHỰA CÔNG SUẤT 30.000 TẤN/NĂM VÀ BỘT GIẤY CÔNG SUẤT 40.000 TẤN/NĂM"

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên Dự án: "Nhà máy tái chế phế liệu để sản xuất hạt nhựa tái sinh công suất 30.000 tấn/năm, sản phẩm nhựa công suất 30.000 tấn/năm và bột giấy công suất 40.000 tấn/năm".

- Địa điểm thực hiện: Lô A2.4, đường N1, khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Plastic Đại Phú.

- Đại diện chủ đầu tư: Ông Lê Huy Minh; Chức vụ: Giám đốc.

1.1. Phạm vi, quy mô của Dự án:

Dự án được thực hiện trên diện tích 26.648,5 m^2 (trong đó diện tích xây dựng nhà xưởng 10.368 m^2, đất giao thông, cây xanh, công trình phụ trợ khoảng 16.280,5 m^2) bao gồm các hạng mục chi tiết như sau:

(1) Công trình chính: Khu nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất, bãi để xe container chở nguyên liệu, khu nhà ăn, nhà bảo vệ, nhà xe, trạm điện, hồ nước phòng cháy chữa cháy, các hạng mục bảo vệ môi trường…

(2) Các hạng mục công trình phụ trợ: Trạm cân, nhà đặt máy phát điện, nhà vệ sinh, khu vực trồng cây xanh, sân đường giao thông nội bộ.

Sản phẩm:

Sản phẩm chính của Dự án là hạt nhựa tái sinh, sản phẩm nhựa và bột giấy với công suất như sau:

- Giai đoạn trước năm 2025:

+ Sản xuất hạt nhựa tái sinh với công suất 30.000 tấn/năm;

+ Sản xuất bột giấy với công suất 40.000 tấn/năm từ nguyên liệu là phế liệu ngành sản xuất giấy cuộn trong nước.

- Giai đoạn từ năm 2025 trở đi:

+ Sản xuất hạt nhựa tái sinh với công suất 30.000 tấn/năm;

+ Sản xuất các sản phẩm nhựa với công suất 30.000 tấn/năm;

+ Sản xuất bột giấy với công suất 40.000 tấn/năm từ nguyên liệu là phế liệu ngành sản xuất giấy cuộn trong nước.

Nhu cầu nguyên liệu:

Công ty sử dụng nguồn nguyên liệu là phế liệu ngành sản xuất giấy cuộn trong nước và phế liệu nhựa nhập khẩu (trước năm 2025 tỉ lệ phế liệu nhập khẩu tối đa là 100%, từ năm 2025 trở đi tỉ lệ phế liệu nhập khẩu tối đa 80%).

1.2. Các hạng mục công trình của Dự án

1.2.1. Các hạng mục, công trình hiện hữu của Dự án

- Các hạng mục, công trình chính:

+ Nhà xưởng sản xuất có tổng diện tích khoảng 10.368 m^2;

+ Trạm điện và nhà đặt máy phát điện có tổng diện tích 144 m^2;

+ Hồ nước phòng cháy chữa cháy có dung tích 750 m^3 và nhà bơm có diện tích 300 m^2.

- Các hạng mục, công trình phụ trợ:

+ Khu văn phòng có diện tích 105 m^2; khu nhà ăn có diện tích 45 m^2; nhà bảo vệ có diện tích 45 m^2; nhà vệ sinh có diện tích 21 m^2; nhà xe có diện tích 72 m^2; trạm cân có diện tích 56 m^2;

+ Khu vực tập kết xe container trước nhà xưởng sản xuất có diện tích 490 m^2;

+ Diện tích cây xanh khoảng 3.974,4 m^2; đường giao thông nội bộ khoảng 3.104,3 m^2.

- Các công trình bảo vệ môi trường: Đã được xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Giấy xác nhận số 114/GXN-BQL ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương: Hệ thống xử lý nước thải có diện tích 140 m^2, bao gồm 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 10 m^3/ngày (24 giờ) và 01 hệ thống thu gom, xử lý nước thải sản xuất với công suất 200 m^3/ngày (24 giờ).

1.2.2. Các hạng mục, công trình điều chỉnh, bổ sung của Dự án

- Thay thế toàn bộ các máy móc, thiết bị sản xuất của Dự án cũ

- Các hạng mục, công trình chính:

+ Bố trí lại vị trí các khu vực trong nhà xưởng sản xuất: Nhà xưởng tạo sản phẩm có diện tích 5.184 m^2; khu vực sơ chế nguyên liệu, đặt bồn rửa có diện tích 2.592 m^2; khu vực tạo bột giấy có diện tích 1.296 m^2; khu vực chứa nguyên liệu đầu vào có diện tích khoảng 414 m^2; khu vực sản xuất sản phẩm nhựa khoảng 200 m^2 ; khu vực hệ thống xử lý nước thải có diện tích khoảng 882 m^2;

+ Bố trí bãi để xe container chở nguyên liệu có tổng diện tích 7.602,8 m^2;

- Công trình bảo vệ môi trường:

+ Đầu tư bổ sung 01 hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m^3/ngày (24 giờ).

+ Tháo dỡ hệ thống xử lý khí thải cũ, sử dụng 07 hệ thống xử lý khí thải đồng bộ kèm theo 07 máy gia nhiệt. Khu vực đặt ống khói của hệ thống xử lý khí thải Dự án cũ có diện tích 40 m^2 được sử dụng để đặt ống khói thải mới và hệ thống quan trắc tự động khí thải;

+ Đầu tư bổ sung 01 hệ thống xử lý khí thải tập trung công suất quạt hút khoảng 1.500 m^3/giờ của nhà xưởng sản xuất sản phẩm nhựa; lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động trước khi xưởng sản xuất sản phẩm nhựa đi vào hoạt động;

+ Đầu tư bổ sung 01 kho chứa phế liệu sắt có diện tích khoảng 31 m^2;

+ Đầu tư bổ sung 01 kho chứa chất thải công nghiệp có diện tích khoảng 41 m^2;

+ Kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10 m^2;

+ Kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng 10 m^2;

+ Bố trí khu vực lưu giữ tạp chất có diện tích khoảng 120 m^2 trong nhà xưởng sản xuất.

1.3. Công nghệ sản xuất của Dự án:

Dự án có nhu cầu sử dụng 02 nguồn nguyên liệu khác nhau: Nhựa phế liệu nhập khẩu và phế liệu từ ngành sản xuất giấy cuộn trong nước (thành phần bao gồm ni lông (màng nhựa PE), bột giấy và các tạp chất khác (kim loại, cát, sỏi…)).

1.3.1 Quy trình sơ chế phế liệu

a) Quy trình sơ chế nguyên liệu là phế liệu nhựa nhập khẩu:

Phế liệu nhựa → Phân loại nhựa → Băm nguyên liệu → Rửa → Chuyển qua công đoạn sản xuất hạt nhựa tái sinh.

b) Quy trình sơ chế nguyên liệu phế liệu từ ngành sản xuất giấy cuộn:

- Quy trình tách màng nhựa PE: Phế liệu từ ngành sản xuất giấy cuộn trong nước → Bồn rửa thứ nhất → Máy nghiền → Bồn rửa thứ 2 → Khu vực chứa màng nhựa PE → Chuyển qua công đoạn sản xuất hạt nhựa tái sinh.

- Quy trình tận thu bột giấy: Phế liệu từ ngành sản xuất giấy cuộn trong nước → Bồn rửa thứ nhất → Máy nghiền → Bồn rửa thứ 2 → Hệ thống xử lý bột giấy → Sàn lọc bột giấy → Thùng chứa bột giấy → Máy ép băng tải → Bột giấy.

- Quy trình tách phế thải: Phế liệu từ ngành sản xuất giấy cuộn trong nước → Bồn rửa thứ nhất → Phế thải lắng dưới đáy bồn rửa thứ nhất → Nghiền thủy lực để tách hoàn toàn bột giấy đưa về hệ thống xử lý bột giấy → Bồn phế thải (thủy tinh, cát, sỏi) và kim loại → Phân loại thủ công kim loại bằng nam châm → Tận thu kim loại → Phế thải còn lại (thủy tinh, cát, sỏi...) chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

1.3.2. Quy trình sản xuất hạt nhựa tái sinh:

Nguyên vật liệu nhựa (PE, PP, LDPE, HDPE) sau công đoạn rửa → Sấy → Đùn nhựa và kéo sợi → Làm mát → Cắt hạt → Đóng gói → Nhập kho thành phẩm.

1.3.3. Quy trình đúc sản phẩm nhựa:

Hạt nhựa tái sinh → Sấy → Trộn nguyên liệu → Đúc ép khuôn → Sản phẩm nhựa

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

Giai đoạn triển khai xây dựng

- Nước thải phát sinh từ sinh hoạt của công nhân cải tạo, nước mưa chảy tràn qua toàn bộ khu đất Dự án.

- Bụi phát sinh do quá trình vận chuyển và lắp đặt máy móc, thiết bị. Bụi và khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải và các phương tiện thi công cơ giới. Bức xạ nhiệt từ các quá trình thi công có gia nhiệt, khói hàn.

- Tiếng ồn, độ rung do các phương tiện giao thông vận chuyển.

- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động cải tạo các hạng mục của Dự án.

Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn trong khu vực thực hiện Dự án.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân viên.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất.

- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Giai đoạn triển khai xây dựng

- Nước mưa chảy tràn qua toàn bộ khu vực Dự án cuốn theo bụi, đất, cát, đá, xi măng, xăng dầu, sơn,… rơi vãi vào hệ thống thoát nước chung của Dự án.

- Nước thải sinh hoạt khoảng 1,35 m^3/ngày (24 giờ). Thành phần: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, tổng nitơ (N), tổng phốt pho (P), coliform…

Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn với lưu lượng khoảng 5,6 m^3/ngày (24 giờ). Thành phần chất rắn lơ lửng (SS).

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân viên: 6,8 m^3/ngày. Thành phần: chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, tổng nitơ (N), tổng phốt pho (P), coliform… Lượng nước thải sinh hoạt được đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý. Nước thải sinh hoạt sau xử lý được sử dụng 3,7

m^3/ngày cho nước làm mát, định kỳ thải ra khoảng 3,1 m^3/ngày (24 giờ) về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Lượng nước thải sản xuất phát sinh khoảng 1.221 m^3/ngày (24 giờ). Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải là các tạp chất hữu cơ (COD, BOD_5) và hàm lượng cặn lơ lửng (TSS)…Bao gồm:

+ Nước thải sản xuất tại Công ty phát sinh khoảng 1.140 m^3/ngày (24 giờ) từ bồn rửa tại công đoạn rửa phế liệu.

+ Nước rỉ từ khu vực chứa chất thải ngành giấy khoảng 9 m^3/ngày (24 giờ).

+ Hàm lượng ẩm còn lại trong phế liệu trong nước khoảng 71 m^3/ngày (24 giờ).

+ Lượng nước thải từ quá trình xịt rửa hệ thống plasma là 0,6 m^3/ngày (24 giờ).

+ Nước làm mát thải định kỳ khoảng 0,5 m^3/ngày(24 giờ);

Tổng lượng nước thải đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m^3/ngày (24 giờ) là khoảng 1.224 m^3/ngày (24 giờ).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Giai đoạn triển khai xây dựng

- Bụi phát sinh do quá trình vận chuyển và lắp đặt máy móc, thiết bị.

- Bụi và các chất khí SO_2, NO_2, CO, THC (tổng các chất hữu cơ) do khói thải của các phương tiện giao thông vận tải và các phương tiện thi công cơ giới.

- Bức xạ nhiệt từ các quá trình thi công có gia nhiệt, khói hàn (như quá trình cắt, hàn sắt thép; cắt, hàn để lắp ráp thiết bị...).

- Tiếng ồn, độ rung do các phương tiện giao thông vận chuyển.

Giai đoạn vận hành

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình gia nhiệt tạo hạt nhựa, tạo sản phẩm nhựa. Thành phần chính các chất ô nhiễm trong khí thải là bụi và các chất hữu cơ dễ bay hơi VOC.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Giai đoạn triển khai xây dựng

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 30 công nhân xây dựng có khối lượng 15 kg/ngày. Bao gồm: Các loại bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa,…

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh từ hoạt động lắp đặt thiết bị và máy móc mới của dự án có khối lượng ước tính tối đa khoảng 100 kg cho toàn bộ quá trình lắp đặt thiết bị và máy móc. Bao gồm: kim loại (ốc, vít, giá đỡ…), nhựa (dây điện, bao bì máy móc thiết bị…), gỗ (khung bảo vệ máy móc thiết bị), giấy (thùng chứa máy móc thiết bị), nylon,…

Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên có khối lượng 75 kg/ngày. Bao gồm: Các loại bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa,…

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất với khối lượng khoảng 980 tấn/tháng, bao gồm:

+ Thành phần kim loại 582 tấn/tháng, thành phần này được chuyển giao cho các đơn vị tái chế.

+ Thành phần chất thải rắn không thể tái chế bao gồm cát, sỏi, kính các loại khoảng 388 tấn/tháng;

+ Tạp chất trong phế liệu nhập khẩu khoảng 10 tấn/tháng;

- Lượng chất thải rắn phát sinh từ lưới lọc của máy gia nhiệt khoảng 260 kg/tháng;

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 315 kg/tháng;

- Bùn thải từ bể phốt, ước tính khoảng 10 kg/tháng, cặn lắng từ bể tuần hoàn nước làm mát khoảng 5 kg/tháng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Giai đoạn triển khai xây dựng

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh có khối lượng ước tính khoảng 15,2 kg cho toàn bộ quá trình lắp đặt thiết bị và máy móc. Bao gồm: dầu thải, găng tay, giẻ lau dính dầu, que hàn, đầu mẩu que hàn, bóng đèn huỳnh quang,...

Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất có khối lượng khoảng 30 kg/tháng bao gồm: Ắc quy, hộp mực in, giẻ lau, gang tay dính thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang, thùng phi dính dầu, bao bì dính hóa chất,…

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải nhà vệ sinh, khu vực vệ sinh cá nhân → 03 bể tự hoại ba ngăn → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày (24 giờ) → sử dụng làm nước làm mát tuần hoàn, định kỳ 01 lần/tuần thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m^3/ngày (24 giờ).

+ Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Bể trung chuyển → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể điều hòa (100 m^3).

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m^3/ngày (24 giờ): Nước thải sản xuất → Bể điều hòa (đường kính 18m, cao 11m, vật liệu thép không rỉ) → Bể tuyển nổi siêu nông

kết hợp keo tụ, tạo bông (đường kính 14,2 m, chiều cao 2,1 m, vật liệu thép không rỉ, chiều cao khung dầm bê tông 5,0 m) → Bể tuần hoàn (chiều cao bể dưới 4,5 m, thể tích 1.045 m^3; chiều cao bể trên 2,0m, thể tích 766 m^3, tổng thể tích 1.811 m^3, vật liệu bê tông cốt thép; lượng nước tuần hoàn lại quá trình sản xuất khoảng 1.148 m^3/ngày, phần còn lại tiếp tục được xử lý) → Thiết bị xử lý yếm thiếu khí xử lý COD (đường kính 2,5m, chiều cao 6,0 m, vật liệu thép CT3) → Thiết bị xử lý sinh học hiếu khí Biofor (đường kính 2,5 m, chiều cao khoảng 5,5 m, vật liệu thép CT3) → Thiết bị lắng (đường kính 2,5m, chiều cao 5,0 m, vật liệu thép CT3) → Khử trùng → Đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thỏa thuận bằng văn bản với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc về việc đấu nối nước thải sau xử lý sơ bộ tại Nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc;

+ Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc theo văn bản thỏa thuận của Chủ dự án với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Công trình xử lý bụi, khí thải lò hơi: Đầu tư 07 hệ thống xử lý khí thải tương ứng 07 hệ thống máy gia nhiệt tạo hạt, được thu gom thoát vào chung một ống khí thải tại xưởng sản xuất hạt nhựa tái sinh; sau năm 2025, đầu tư thêm 01 hệ thống xử lý khí thải công suất quạt hút khoảng 1.500 m^3/giờ tại xưởng sản xuất sản phẩm nhựa.

- Công nghệ xử lý khí thải tại máy gia nhiệt tạo hạt: Khí thải từ thiết bị gia nhiệt → Tháp ngưng tụ 1 → Thiết bị lọc Plasma → Tháp ngưng tụ 2 → Ống khí thải.

- Công nghệ xử lý khí thải xưởng sản xuất sản phẩm nhựa: Bụi, khí thải → Chụp hút → Hệ thống ống hút → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống khí thải.

- Chế độ vận hành: liên tục.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Khí thải đảm bảo đạt QCVN19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p= 0,8 và K_v=1) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục các thông số: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O_2 dư, bụi tổng, SO_2, NO_x và CO lắp đặt tại 02 ống khí thải của Công ty và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để theo dõi và giám sát theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí các thùng rác tại các khu vực phát sinh chất thải, thu gom đưa về thùng chứa rác lớn bằng nhựa có thể tích 120 lít đặt tại các vị trí xung quanh khu vực sản xuất và khu vực văn phòng, sau đó thu gom về kho lưu giữ chất thải sinh hoạt có diện tích 10 m^2. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định hiện hành.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Được thu gom và đưa về khu vực lưu giữ chất thải rắn không nguy hại có diện tích 120 m^2; kho chứa có diện tích khoảng 31 m^2 chứa sắt phế liệu và kho chứa có diện tích 41 m^2 để chứa các loại dây đai, bao bì… Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại triệt để tại từng công đoạn phát sinh, sau đó được chuyển về lưu giữ và phân loại tại kho lưu trữ chất thải nguy hại có diện tích 10 m^2. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị.

- Trồng bổ sung cây xanh, thảm cỏ xung quanh để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: Nước mưa → thu gom dẫn vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ của Dự án → đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa tập trung của khu B, Khu công nghiệp Đất Cuốc.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.

+ Bố trí mặt bằng trong khuôn viên Dự án để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

+ Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Các công trình xử lý phải được tính toán kỹ lưỡng với hệ số an toàn cao để tránh rò rỉ, tràn hoặc vỡ bể; (ii) - Phải đảm bảo môi trường và dinh dưỡng cho vi sinh phát triển; (iii) - Chuẩn bị các bơm, thiết bị sục khí, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi thiết bị hư hỏng; (iv) - Bố trí cán bộ chuyên trách có năng lực và chuyên môn để vận hành và bảo trì trạm xử lý nước thải; (v) - Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát chất lượng nước sau xử lý bảo đảm không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, xử lý bụi, hơi và khí thải của Nhà máy, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý khí thải; trong trường hợp sự cố hệ thống tại khu vực nào thì Nhà máy dừng hoạt động tại khu vực đó để tiến hành khắc phục sự cố.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Xây dựng công trình, kho chứa hóa chất đảm bảo theo quy định; thực hiện kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 10 m^3/ngày (24 giờ);

- 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất với công suất 1.500 m^3/ngày (24 giờ);

- 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 200 m^3/ngày (24 giờ) để dự phòng (đã được xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Giấy xác nhận số 114/GXN-BQL ngày 04 tháng 9 năm 2019 cả Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương).

- 07 hệ thống xử lý khí thải tại máy gia nhiệt tạo hạt, đấu nối chung vào 01 ống khí đường kính 1,0 m, cao 15m công suất quạt hút tổng cộng 170.000 m^3/giờ;

- 01 hệ thống xử lý khí thải, công suất quạt hút khoảng 1.500 m^3/giờ, ống khói thải đường kính khoảng 0,5m, cao 15m (từ năm 2025, trước khi xưởng sản xuất sản phẩm nhựa đi vào hoạt động).

- Kho lưu giữ chất thải sinh hoạt có diện tích 10 m^2 ;

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 120 m^2;

- Kho lưu giữ chất thải rắn nguy hại có diện tích 10 m^2;

- Kho lưu giữ sắt phế liệu có diện tích khoảng 31 m^2;

- Kho chứa chất thải rắn thông thường (dây đai, bao bì…) có diện tích 41 m^2 .

5. Chương trình giám sát môi trường của Dự án:

5.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

Giám sát môi trường không khí:

- Thông số giám sát: Bụi tổng số (TSP), SO_2, NO_2, CO và tiếng ồn;

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (khu vực tháo dỡ các thiết bị của Nhà máy hiện hữu và khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 1.500 m^3/ngày (24 giờ);

- Tần suất giám sát: 1 lần trong suốt thời gian xây dựng, tại thời điểm diễn ra hoạt động thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1. Giám sát khí thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Giám sát chất lượng khí thải

- Tần số quan trắc và số mẫu: Theo quy định của Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại ống khói khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của xưởng sản xuất hạt nhựa tái sinh; 01 vị trí tại ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải của xưởng sản xuất sản phẩm nhựa (từ năm 2025 trở đi).

- Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O_2 dư, bụi tổng, SO_2, NOx, CO.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, (cột B, K_p=0,8, K_v=1); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

b) Giám sát chất lượng nước thải

- Tần số giám sát: Theo quy định của Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Vị trí giám sát: Theo từng công đoạn xử lý; nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất với công suất 1.500 m^3/ngày (24 giờ);

- Thông số giám sát: Các thông số theo văn bản thỏa thuận giữa Chủ dự án với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc.

- Văn bản áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc theo văn bản thỏa thuận của Chủ dự án với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc.

c) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

Giám sát quản lý chất thải theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại. Cụ thể nội dung giám sát như sau:

- Giám sát đối với bùn thải:

+ Mẫu bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Phân tích các chỉ tiêu theo quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước;

+ Trường hợp kết quả phân tích mẫu của dòng bùn thải cho thấy ít nhất một thông số trong bùn thải vượt ngưỡng nguy hại tại bất kỳ thời điểm lấy mẫu nào thì bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được quản lý như chất thải nguy hại.

5.2. Giám sát giai đoạn vận hành

a) Giám sát môi trường không khí

- Giám sát khí thải tự động, liên tục

+ Tần suất giám sát: tự động, liên tục

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại ống khói khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của xưởng sản xuất hạt nhựa tái sinh; 01 vị trí tại ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải của xưởng sản xuất sản phẩm nhựa (từ năm 2025 trở đi).

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O_2 dư, bụi tổng, SO_2, NO_x và CO.

+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: QCVN19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p=0,8, K_v=1) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Giám sát khí thải định kỳ

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại ống khói khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của xưởng sản xuất hạt nhựa tái sinh; 01 vị trí tại ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải của xưởng sản xuất sản phẩm nhựa (từ năm 2025 trở đi).

+ Thông số giám sát: Propylen oxyt, styrene, benzen, toluen.

+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

b) Giám sát môi trường nước

- Giám sát môi trường nước thải sản xuất:

+ Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí (điểm đấu nối nước thải sau xử lý của Công ty với hệ thống thu gom nước thải của khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc).

- Thông số giám sát: Các thông số theo văn bản thỏa thuận giữa Chủ dự án với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc;

- Tần suất giám sát: Theo văn bản thỏa thuận giữa Chủ dự án với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc;

- Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc theo văn bản thỏa thuận của Chủ dự án với chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu B, khu công nghiệp Đất Cuốc.

c) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Giám sát đối với bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải: Mẫu bùn thải được phân tích các chỉ tiêu so sánh với QCVN 50:2013/BTNMT, trường hợp kết quả phân tích mẫu của dòng bùn thải cho thấy ít nhất một (01) thông số trong bùn thải vượt ngưỡng nguy hại tại thời điểm lấy mẫu thì bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải sẽ được quản lý như chất thải nguy hại theo các quy định của pháp luật liên quan.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các điều kiện sau:

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015

của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Tuân thủ các quy định tại QCVN 32:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất và các quy chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Chỉ tiến hành nhập khẩu phế liệu phục vụ hoạt động của Dự án, không chuyển giao cho đơn vị khác.

- Thiết kế cơ sở các công trình bảo vệ môi trường phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khí thải để kiểm soát liên tục các thông số: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O_2 dư, bụi tổng, SO_2, NO_x và CO tại ống khói hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường, số liệu phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương theo đúng quy định của pháp luật.

- Thiết kế các công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Bảo đảm kinh phí thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, nhập khẩu nguyên vật liệu và các quy định có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Khi hệ thống xử lý nước thải của Dự án gặp sự cố, hệ thống sản xuất cũng phải dừng hoạt động để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được khắc phục và xử lý đáp ứng yêu cầu.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động (do lỗi của Chủ Dự án) gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây các sự cố môi trường.